

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Giang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Đinh Ngọc Cẩm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Bùi Việt Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)
Bà Lê Hồng Yến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Văn Cận	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 01/10/2014)
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Triệu Công Trứ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Bùi Đức Thịnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Tạ Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2014)
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Quang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

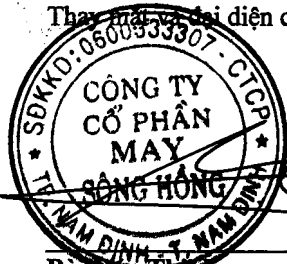
Số 105, đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất,
thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Đức Anh

Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: ~~148~~ /VACO/BCKT.NV2**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

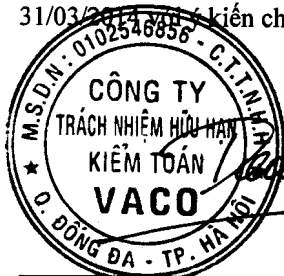
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán này đề ngày 31/03/2014 và không chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Ánh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1098-2014-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNGSố 105, đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất,
thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.075.919.897.949	828.212.917.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.352.569.080	207.393.027.927
1. Tiền	111		12.352.569.080	53.393.027.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	154.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	450.941.180.000	66.060.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		450.941.180.000	66.060.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		280.529.527.566	248.099.316.241
1. Phải thu khách hàng	131		265.774.017.937	218.769.771.478
2. Trả trước cho người bán	132		5.660.414.041	16.508.244.658
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.095.095.588	12.821.300.105
IV. Hàng tồn kho	140	8	315.130.503.846	260.395.084.344
1. Hàng tồn kho	141		346.738.726.952	303.729.598.185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.608.223.106)	(43.334.513.841)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.966.117.457	46.265.489.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.622.590.605	5.842.642.572
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.677.925.018	39.658.719.139
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		6.298.074	9.447.710
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	659.303.760	754.679.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		492.300.359.318	450.039.526.248
I. Tài sản cố định	220		469.665.506.112	428.943.651.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	427.054.507.242	307.371.841.775
- Nguyên giá	222		781.479.766.325	602.846.499.045
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(354.425.259.083)	(295.474.657.270)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.108.994.076	1.225.146.204
- Nguyên giá	228		2.638.689.060	2.638.689.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.529.694.984)	(1.413.542.856)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	41.502.004.794	120.346.663.639
II. Tài sản dài hạn khác	260		22.634.853.206	21.095.874.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	22.238.944.206	20.833.965.630
2. Tài sản dài hạn khác	268		395.909.000	261.909.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.568.220.257.267	1.278.252.444.145

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

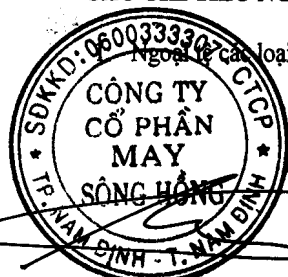
Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.052.016.854.172	918.638.956.208
I. Nợ ngắn hạn	310		843.841.237.134	617.361.740.967
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	381.533.728.809	279.774.679.674
2. Phải trả người bán	312		100.843.700.551	82.131.118.137
3. Người mua trả tiền trước	313		9.192.666.953	10.666.009.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	14.401.076.582	12.648.383.631
5. Phải trả người lao động	315		206.241.736.747	141.839.502.800
6. Chi phí phải trả	316	16	38.725.736.241	17.156.503.471
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	67.483.157.671	46.374.602.373
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		25.419.433.580	26.770.941.880
II. Nợ dài hạn	330		208.175.617.038	301.277.215.241
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	208.175.617.038	301.277.215.241
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		516.203.403.095	359.613.487.937
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	516.026.346.279	359.613.487.937
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	54.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.100.000.000	2.100.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		111.508.931.570	111.508.931.570
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		23.088.785.158	23.088.785.158
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.043.416.636	2.043.416.636
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		269.285.212.915	166.872.354.573
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		177.056.816	-
1. Nguồn kinh phí	432		177.056.816	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.568.220.257.267	1.278.252.444.145

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
Ngoại tệ các loại (USD)	450.595,33	2.225.441,19



Bùi Đức Thịnh
Tổng Giám đốc
Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.408.319.557.752	2.180.912.784.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.331.750.753	666.629.835
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	2.405.987.806.999	2.180.246.154.506
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	1.971.518.398.666	1.866.292.094.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		434.469.408.333	313.954.059.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.300.446.162	12.969.251.045
7. Chi phí tài chính	22	24	36.807.181.835	29.916.826.784
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		35.836.054.556	28.917.876.392
8. Chi phí bán hàng	24		116.042.299.976	87.127.620.010
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		113.646.289.001	104.130.817.761
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		181.274.083.683	105.748.046.252
11. Thu nhập khác	31		324.234.381	284.214.751
12. Chi phí khác	32		1.076.776.098	268.463.236
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(752.541.717)	15.751.515
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		180.521.541.966	105.763.797.767
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	38.702.579.993	21.303.354.780
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60		141.818.961.973	84.460.442.987
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	24.963	15.641



Bùi Đức Thịnh
Tổng Giám đốc
Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quảng
Người lập

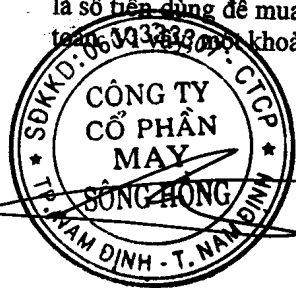
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	180.521.541.966	105.763.797.767
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	60.856.774.521	58.703.164.880
- Các khoản dự phòng	3	(11.726.290.735)	16.109.890.482
- (Lãi)/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	742.574.005	-
- (Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	5	(12.988.326.543)	(9.284.935.456)
- Chi phí lãi vay	6	35.836.054.556	28.917.876.392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	253.242.327.770	200.209.794.065
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(3.064.134.949)	(16.782.955.898)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(43.009.128.767)	(32.109.041.744)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	92.469.148.434	(13.857.101.905)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.815.073.391	(3.673.358.801)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(35.836.054.556)	(28.917.876.392)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.298.722.301)	(33.114.542.585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	177.056.816	269.059.780
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.740.103.631)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	226.755.462.207	72.023.976.520
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(92.788.117.411)	(225.410.918.268)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	145.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(664.634.010.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	279.752.830.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(66.060.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.601.250.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.843.326.543	9.284.935.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(464.680.970.868)	(279.584.732.812)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.569.552.616.086	1.266.962.331.795
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.511.781.533.674)	(1.063.729.325.408)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.200.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.571.082.412	189.733.006.387
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(196.354.426.249)	(17.827.749.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	207.393.027.927	225.220.777.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.313.967.402	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.352.569.080	207.393.027.927

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 8.790.511.604 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và 103.283.000 đồng khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Đức Thịnh
Tổng Giám đốc
Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 03/06/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 15/01/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 8.181 người (tại 31/12/2013 là 8.463 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng máy khác phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh thuốc lá điều nội, rượu bia các loại và hóa mỹ phẩm;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động của trạm y tế công ty (Khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên trong công ty);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng (không bao gồm môi giới, đấu giá sàn giao dịch bất động sản).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đặt tại số 419^a đường Ngô Gia Tự, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các bên liên quan

- Công ty TNHH Sông Hồng Apparel: là công ty con đặt tại Hồng Kông.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính đang sử dụng tại Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Quyền sử dụng đất	20
Phần mềm máy tính	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Tại ngày 31/12/2014, Ban Tổng Giám đốc đánh giá có thể sẽ rút trước hạn các khoản tiền gửi có kỳ hạn, vì vậy Công ty chưa ghi nhận lãi dự thu của các khoản tiền gửi chưa đáo hạn tính đến ngày 31/12/2014, nếu dự thu theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn thì số lãi dự kiến là 11.630.716.376 VND.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	531.978.574	1.816.839.592
Tiền gửi ngân hàng	11.820.590.506	51.576.188.335
Các khoản tương đương tiền	-	154.000.000.000
	12.352.569.080	207.393.027.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	86.291.180.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	364.650.000.000	66.060.000.000
	450.941.180.000	66.060.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu từ bảo hiểm xã hội	5.888.550.038	9.762.363.631
Tiền giải phòng mặt bằng SH7	2.839.335.500	2.839.335.500
Phải thu khác	367.210.050	219.600.974
	9.095.095.588	12.821.300.105

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	126.011.312.580	125.094.932.762
Công cụ, dụng cụ	2.918.148.554	615.646.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.651.522.545	76.509.846.898
Thành phẩm	176.059.483.076	101.198.595.534
Hàng gửi đi bán	98.260.197	310.576.900
	346.738.726.952	303.729.598.185
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.608.223.106)	(43.334.513.841)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	315.130.503.846	260.395.084.344

Trong năm 2014, Công ty giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do một số hàng tồn kho đã được xuất bán trong năm.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tạm ứng	427.000.000	694.400.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	24.353.780
Chi sự nghiệp	232.303.760	35.926.184
	659.303.760	754.679.964

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

Số 105, đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất,
thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

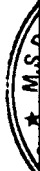
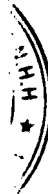
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	382.705.141.598	190.699.479.328	13.946.849.931	15.495.028.188	602.846.499.045
Mua sắm mới	-	34.551.071.052	2.547.410.909	632.090.563	37.730.572.524
Xây dựng cơ bản bàn giao	133.950.401.790	8.742.313.546	-	-	142.692.715.336
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.790.020.580)	-	-	(1.790.020.580)
Tại ngày 31/12/2014	516.655.543.388	232.202.843.346	16.494.260.840	16.127.118.751	781.479.766.325

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	155.503.890.795	119.498.592.281	9.381.135.726	11.091.038.468	295.474.657.270
Khấu hao trong năm	38.149.286.534	20.008.312.644	1.309.199.643	1.273.823.572	60.740.622.393
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.790.020.580)	-	-	(1.790.020.580)
Tại ngày 31/12/2014	193.653.177.329	137.716.884.345	10.690.335.369	12.364.862.040	354.425.259.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	227.201.250.803	71.200.887.047	4.565.714.205	4.403.989.720	307.371.841.775
Tại ngày 31/12/2014	323.002.366.059	94.485.959.001	5.803.925.471	3.762.256.711	427.054.507.242

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là khoảng 177 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2013 là khoảng 158 tỷ đồng). Các hợp đồng vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Phản mềm</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	1.309.176.000	1.329.513.060	2.638.689.060
Tại ngày 31/12/2014	1.309.176.000	1.329.513.060	2.638.689.060
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	202.013.130	1.211.529.726	1.413.542.856
Khấu hao trong năm	65.458.800	50.693.328	116.152.128
Tại ngày 31/12/2014	267.471.930	1.262.223.054	1.529.694.984
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	1.107.162.870	117.983.334	1.225.146.204
Tại ngày 31/12/2014	1.041.704.070	67.290.006	1.108.994.076

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là khoảng 1.194.933.060 đồng (tại ngày 31/12/2013 là khoảng 1.194.933.060 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	120.346.663.639	107.955.114.636
Tăng trong năm	64.804.579.024	115.293.696.307
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(142.692.715.336)	(102.902.147.304)
Giảm khác	(956.522.533)	-
Tại ngày 31 tháng 12	41.502.004.794	120.346.663.639

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	20.833.965.630	4.071.484.954
Tăng trong năm	12.102.590.821	1.113.887.931
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	22.546.070.787
Phân bổ vào chi phí trong năm	(10.697.612.245)	(6.897.478.042)
Tại ngày 31 tháng 12	22.238.944.206	20.833.965.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay cá nhân (i)	38.934.725.000	22.934.725.000
Vay NH - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (ii)	197.236.919.025	100.111.143.541
Vay NH - Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Định (iii)	129.605.540.299	118.700.812.648
Vay NH - Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng (iv)	15.756.544.485	8.096.103.176
Vay dài hạn đến hạn trả	-	29.931.895.309
	381.533.728.809	279.774.679.674

Ghi chú:

- Khoản vay cá nhân từ cán bộ công nhân viên Công ty có lãi suất vay là 8%/năm và 16%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/HĐTDHM có hạn mức tín dụng tối đa 250 tỷ đồng. Ngày 01/04/2013, hợp đồng tín dụng này đã được sửa đổi để nâng hạn mức tín dụng tối đa lên 296 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ vay.
- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng số 3200LAV201300061 có hạn mức tín dụng tối đa là 4.480.000 USD. Ngày 05/06/2013, hợp đồng tín dụng này đã được sửa đổi để nâng hạn mức tín dụng tối đa lên 160 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ vay.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130513-72067601.CMB có hạn mức tín dụng tối đa 60 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ vay.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.857.056.614	12.453.198.922
Thuế thu nhập cá nhân	438.165.326	17.582.836
Các loại thuế khác	105.854.642	177.601.873
	14.401.076.582	12.648.383.631

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước lương phép	4.858.924.397	6.774.943.471
Trích trước tiền thưởng	27.166.518.748	10.381.560.000
Chi phí sửa chữa lớn	3.756.645.264	-
Chiết khấu thanh toán	2.692.229.853	-
Trích trước chi phí bảo hộ lao động	251.417.979	-
	38.725.736.241	17.156.503.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước cổ tức năm 2014	37.800.000.000	16.200.000.000
Phải trả cho Sông Hồng Apparel Limited (i)	10.749.718.934	15.396.373.354
Hoa hồng phải trả cho đại lý	7.820.853.854	9.581.499.757
Các khoản phải trả khác	11.112.584.883	5.196.729.262
	67.483.157.671	46.374.602.373

Ghi chú: (i) Khoản phải trả Sông Hồng Apparel Limited về phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới theo quy chế hoạt động của Sông Hồng Apparel Limited.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay VND - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (i)	89.919.288.971	109.919.288.971
Vay VND - Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Định (ii)	48.580.112.317	59.342.905.470
Vay USD - Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Nam Định (iii)	45.578.788.875	54.244.529.775
Vay USD - Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Định (iv)	24.097.426.875	23.770.491.025
Trái phiếu chuyển đổi	-	54.000.000.000
	208.175.617.038	301.277.215.241

Ghi chú:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng số 02/2005/HĐ ngày 15/12/2005, số tiền vay 5.880.000 USD, khoản vay này được trả trong vòng 108 tháng bắt đầu từ ngày 15/12/2005, khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất 6,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng số 01/2007/HĐ ngày 13/02/2007, số tiền vay 3.740.000 USD, khoản vay này được trả trong vòng 102 tháng bắt đầu từ ngày 14/02/2005, khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất 7,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng số 06/2012/HĐ ngày 28/09/2012, số tiền vay 2.832.341 USD, khoản vay này được trả trong vòng 84 tháng vào tháng 4 và tháng 8 hàng năm, khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất 6,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng số 3200LAV201300021 có hạn mức tín dụng là 124.429.210.583 VND và 1.640.126 USD. Ngày 05/06/2013, khoản vay này được trả trong vòng 93 tháng, khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất 7%/năm (với USD) và 11%/năm (với VND).

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có số vay dài hạn đến hạn trả chưa phân loại sang nợ ngắn hạn đến hạn trả là 8.977.500.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY SÔNG HỒNG

Số 105, đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý Đầu tư Phát triển	Quý Dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vố chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND	Tổng
Số dư tại ngày 31/12/2012	54.000.000.000	2.100.000.000	111.281.885.270	23.088.785.158	2.043.416.636	118.538.156.639		311.052.243.703
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.460.442.987		84.460.442.987
Chi trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(13.500.000.000)		(13.500.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)		(16.200.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.120.180.583)		(5.120.180.583)
Tăng khác	-	-	227.046.300	-	-	-		227.046.300
Phân phối khác	-	-	-	-	-	(1.306.064.470)		(1.306.064.470)
Số dư tại ngày 31/12/2013	54.000.000.000	2.100.000.000	111.508.931.570	23.088.785.158	2.043.416.636	166.872.354.573		359.613.487.937
Tăng vốn trong năm	54.000.000.000	-	-	-	-	141.818.961.973		195.818.961.973
Tạm ứng cổ tức năm 2014 (i)	-	-	-	-	-	(37.800.000.000)		(37.800.000.000)
Chi phí không tính thuế TNDN (ii)	-	-	-	-	-	(1.606.103.631)		(1.606.103.631)
Số dư tại ngày 31/12/2014	108.000.000.000	2.100.000.000	111.508.931.570	23.088.785.158	2.043.416.636	269.285.212.915		516.026.346.279

Ghi chú:

(i) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2014 theo Nghị Quyết số 86/HĐQT/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 26/12/2014. Khoản cổ tức này được chi trả cho cổ đông trong tháng 01 năm 2015.

(ii) Đây là các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty chi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

STT Tên đối tượng	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ	Tỷ lệ
1 Ông Bùi Đức Thịnh	2.785.110	25,79%	1.149.950	21,30%
2 Ông Bùi Việt Quang	959.490	8,88%	627.030	11,60%
3 Ông Phạm Văn Dương	1.293.050	11,97%	587.100	10,87%
4 Bà Bùi Thu Hà	843.720	7,81%	300.000	5,56%
5 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	1.620.000	15,00%	500.000	9,26%
6 Các cổ đông khác	3.298.630	30,55%	2.235.920	41,41%
	10.800.000	100,00%	5.400.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Năm 2014	Năm 2013	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	10.800.000	5.400.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	10.800.000	5.400.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	10.800.000	5.400.000	cổ phiếu

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.893.396.565.816	1.813.843.345.837
Doanh thu dịch vụ gia công	514.922.991.936	367.069.438.504
	2.408.319.557.752	2.180.912.784.341
Hàng bán bị trả lại	2.331.750.753	666.629.835
	2.405.987.806.999	2.180.246.154.506

21. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.546.437.942.674	1.542.595.521.487
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	425.080.455.992	323.696.573.257
	1.971.518.398.666	1.866.292.094.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.459.628.040.499	1.076.531.123.793
Chi phí nhân công	719.067.739.117	527.992.584.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.593.570.582	58.703.164.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.658.940.590	155.079.745.268
Chi phí khác	144.150.193.217	155.365.198.702
	2.508.098.484.005	1.973.671.817.188

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.843.326.543	9.284.935.456
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	457.056.511	2.184.234.231
Doanh thu tài chính khác	63.108	1.500.081.358
	13.300.446.162	12.969.251.045

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi vay	35.836.054.556	28.917.876.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228.553.274	998.950.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	742.574.005	-
	36.807.181.835	29.916.826.784

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	180.521.541.966	105.763.797.767
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.600.723.817)	681.922.444
- Giảm: Lãi CLTG ĐGL khoản mục tiền, phải thu khách hàng	(4.589.370.118)	-
- Giảm: Lãi CLTG GDL khoản mục trả trước cho người bán	(11.353.699)	-
- Tăng: chi phí không được trừ	-	681.922.444
Thu nhập chịu thuế	175.920.818.149	106.445.720.211
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 20%	-	106.161.505.460
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 22%	175.920.818.149	-
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 25%	-	284.214.751
Thuế suất thuế TNDN	38.702.579.993	21.303.354.780
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 20%	-	21.232.301.092
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 22%	38.702.579.993	-
- Thu nhập hoạt động chịu thuế suất 25%	-	71.053.688
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.702.579.993	21.303.354.780

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 4.600.723.817 VND so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	141.818.961.973	84.460.442.987
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	5.681.096	5.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.963	15.641
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	589.709.345.847	581.051.894.915
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.352.569.080	207.393.027.927
Nợ thuần	577.356.776.767	373.658.866.988
Vốn chủ sở hữu	516.026.346.279	359.613.487.937
	1,12	1,04

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.352.569.080	-	207.393.027.927	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	274.869.113.525	-	231.591.071.583	-
Đầu tư ngắn hạn	450.941.180.000	-	66.060.000.000	-
	738.162.862.605	-	505.044.099.510	-
	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			589.709.345.847	581.051.894.915
Phải trả người bán, phải trả khác			168.326.858.222	128.505.720.510
Chi phí phải trả			38.725.736.241	17.156.503.471
			796.761.940.310	726.714.118.896

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về tỷ giá

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNGSố 105, đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất,
thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.352.569.080	-	-	12.352.569.080
Phải thu khách hàng, phải thu khác	274.869.113.525	-	-	274.869.113.525
Đầu tư ngắn hạn	450.941.180.000	-	-	450.941.180.000
	738.162.862.605	-	-	738.162.862.605
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	381.533.728.809	208.175.617.038	-	589.709.345.847
Phải trả người bán, phải trả khác	168.326.858.222	-	-	168.326.858.222
Chi phí phải trả	38.725.736.241	-	-	38.725.736.241
	588.586.323.272	208.175.617.038	-	796.761.940.310
Chênh lệch thanh khoản	149.576.539.333	(208.175.617.038)	-	(58.599.077.705)
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.393.027.927	-	-	207.393.027.927
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.591.071.583	-	-	231.591.071.583
Đầu tư ngắn hạn	66.060.000.000	-	-	66.060.000.000
	505.044.099.510	-	-	505.044.099.510
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	279.774.679.674	301.277.215.241	-	581.051.894.915
Phải trả người bán, phải trả khác	128.505.720.510	-	-	128.505.720.510
Chi phí phải trả	17.156.503.471	-	-	17.156.503.471
	425.436.903.655	301.277.215.241	-	726.714.118.896
Chênh lệch thanh khoản	79.607.195.855	(301.277.215.241)	-	(221.670.019.386)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty TNHH Sông Hồng Apparel	Công ty con		
Mua nguyên vật liệu		83.121.764.687	67.992.429.618
Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới		43.888.611.079	42.609.683.294

Số dư với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Sông Hồng Apparel	Công ty con		
Các khoản phải trả			
- Mua nguyên vật liệu		7.407.072.765	2.390.003.245
- Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới		10.749.718.934	15.396.373.354

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương và thu nhập	2.694.733.243	2.206.248.850

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



Bùi Đức Thịnh
Tổng Giám đốc
Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Quang
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Người lập